

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 3 -2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hiếu và bà Tô Thị Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2022/TLST - HNGĐ ngày 29/11/2022 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nông Thị Q, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn - bà Nông Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn D tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 9 năm 1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà và ông D đã sống ly thân khoảng từ ngày 17 tháng 4 năm 2020 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể

quay lại chung sống cùng nhau được nữa, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D.

Về quan hệ con chung: Bà và ông D có 02 con chung là Phạm Quốc P, sinh năm 1990, hiện đã có gia đình riêng và con Phạm Mai L, sinh năm 2001, hiện đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Bà và ông D không có tài sản gì chung, không vay nợ ai chung và cũng không cho ai vay nợ chung do đó bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 12 năm 2022, bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nông Thị Q tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/9/1990. Sau khi kết hôn ông và bà Q chung sống bình thường đến năm 2021 xảy ra chuyện sút mẻ tình cảm vợ chồng. Thực chất vợ chồng ông xảy ra việc không hòa thuận khoảng 11 năm nay rồi. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bà Q là người dân tộc khả năng hiểu biết hạn chế bị người xấu dụ dỗ. Nay bà Q có đơn xin ly hôn ông, quan điểm của ông là: Ông xác định tình cảm giữa ông và bà Q đã rạn nứt nhưng ông vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ, còn nếu bà Q cố tình muốn ly hôn ông thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà Q.

Về quan hệ con chung: Ông và bà Q có 02 con chung là Phạm Quốc P, sinh năm 1990 và Phạm Mai L, sinh năm 2001 hiện nay các con đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Ông và bà Q không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ chung do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn là bà Q đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là ông Phạm Văn D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Nông Thị Q được ly hôn ông Phạm Văn D. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là bà Nông Thị Q khởi kiện xin ly hôn ông Phạm Văn D, ông D có hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của bà Q là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị Q và ông Phạm Văn D tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/9/1990 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Q ông D chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Hiện nay ông D và bà Q đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà Q và ông D đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà Q, xử cho bà Q được ly hôn ông D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét thấy, hiện tại cả 02 con chung của bà Q và ông D là Phạm Quốc P, sinh năm 1990 và Phạm Mai L, sinh năm 2001 đều đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không có

Về án phí: Bà Nông Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nông Thị Q được ly hôn ông Phạm Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Bà Nông Thị Q và ông Phạm Văn D có 02 con chung là Phạm Quốc P, sinh năm 1990 và Phạm Mai L, sinh năm 2001 hiện nay các con đã thành niên nên không đặt ra giải quyết

3. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Nông Thị Q phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Q đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002572 ngày 29/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Nông Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Phạm Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- UBND xã Đông Trà;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi